

LƯU TÀI LỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Vũ Thanh Bình | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Bùi Minh Hải | Ủy viên Hội đồng Quản trị |
| 3. Bà Phạm Nguyệt Minh | Ủy viên Hội đồng Quản trị |

Ban Giám đốc

- | | |
|----------------------|----------|
| 1. Ông Vũ Thanh Bình | Giám đốc |
|----------------------|----------|

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Thanh Bình

Giám đốc

Yên Bái, ngày 25 tháng 01 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 09.01/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2017, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)**

Ngày 25 tháng 01 năm 2017

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

ST
CC
CH
KIỂM
VÀ
Q
KH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		244.146.298.643	93.040.435.396
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	135.245.944.019	52.809.797.450
1. Tiền	111		1.745.944.019	12.809.797.450
2. Các khoản tương đương tiền	112		133.500.000.000	40.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.642.407.187	8.795.009.766
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	21.865.997.602	7.752.505.497
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	37.206.708.850	1.082.968.034
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.801.279.850	121.641.616
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(231.579.115)	(162.105.381)
III. Hàng tồn kho	140	5.6	32.769.273.749	28.654.771.679
1. Hàng tồn kho	141		32.769.273.749	28.654.771.679
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.488.673.688	2.780.856.501
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	8.656.794	24.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.480.016.894	2.756.856.501
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123.905.981.591	119.237.576.276
I. Tài sản cố định	220		117.014.801.502	119.006.289.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	102.798.171.731	104.457.753.727
- Nguyên giá	222		125.704.778.844	133.544.758.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.906.607.113)	(29.087.004.971)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	14.216.629.771	14.548.535.527
- Nguyên giá	228		15.926.986.836	15.926.986.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.710.357.065)	(1.378.451.309)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.645.000.000	130.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	6.645.000.000	130.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		246.180.089	101.287.022
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	246.180.089	101.287.022
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		368.052.280.234	212.278.011.672

17
 NG
 HIÊN
 TO
 TÀI
 SỐC
 JÁ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		250.327.823.184	105.792.214.753
I. Nợ ngắn hạn	310		95.325.173.184	90.792.214.753
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	8.389.248.322	4.247.887.945
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	1.860.202.962	10.443.856.177
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	472.286.952	222.307.266
4. Phải trả người lao động	314		601.003.096	208.095.778
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	2.080.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	461.057.300	653.751.808
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	81.457.206.927	74.639.291.857
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.167.625	377.023.922
II. Nợ dài hạn	330		155.002.650.000	15.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	155.002.650.000	15.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.724.457.050	106.485.796.919
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	117.724.457.050	106.485.796.919
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		86.000.000.000	86.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		86.000.000.000	86.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.387.924.619	4.064.590.888
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.564.926.542	1.564.926.542
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.771.605.889	14.856.279.489
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.209.612.027	8.389.604.855
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.561.993.862	6.466.674.634
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		368.052.280.234	212.278.011.672



Vũ Thanh Bình
 Giám đốc

Yên Bái, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Nhân
 Người lập

23 / T / H / N / C / T /

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		193.837.344.308	188.422.227.793
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		119.790.440	83.579.250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	193.717.553.868	188.338.648.543
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	149.503.456.680	161.323.484.101
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.214.097.188	27.015.164.442
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.273.772.037	1.065.576.055
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.529.288.220	2.729.053.205
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.409.993.795	1.202.592.954
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	14.707.132.911	12.305.044.497
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.949.675.936	4.805.523.553
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.301.772.158	8.241.119.242
11. Thu nhập khác	31	6.6	24.216.653	108.935.563
12. Chi phí khác	32	6.7	6.850.791.734	254.137
13. Lợi nhuận khác	40		(6.826.575.081)	108.681.426
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.475.197.077	8.349.800.668
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.913.203.215	1.883.126.034
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.561.993.862	6.466.674.634
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.277	714



Vũ Thanh Bình
Giám đốc

Yên Bái, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Nhân
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHATYEN BAIM&P., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 101 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 74 nhân viên).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 136.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: chế biến đá và các sản phẩm từ đá;

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa Plastic. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm nhựa (PE, PP);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán buôn hàng may mặc;
- Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- In ấn;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất ngành nhựa; và
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình thiết bị; Mua bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa, bao bì các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

RÁC
KI
TƯ
/VF

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	30

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn 49 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

17
 NH
 M
 AN
 QU
 XU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	4.591.623	18.199.110
Tiền gửi ngân hàng	1.741.352.396	12.791.598.340
Các khoản tương đương tiền (*)	133.500.000.000	40.000.000.000
Cộng	135.245.944.019	52.809.797.450

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng sau:

- Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ngày 24 tháng 10 năm 2016 với số tiền gửi là 110.000.000.000 đồng, kỳ hạn 01 tháng. Lãi suất khoản tiền gửi là 4,3%/năm, lãi được trả vào cuối kỳ.

- Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ngày 09 tháng 12 năm 2016 với số tiền gửi là 23.500.000.000 đồng, kỳ hạn 03 tháng. Lãi suất khoản tiền gửi là 4,8%/năm, lãi được trả vào cuối kỳ.

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu khách hàng trong nước	4.734.764.940	645.264.115
Phải thu khách hàng nước ngoài	17.131.232.662	7.107.241.382
Cộng	21.865.997.602	7.752.505.497
Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	-	241.076.495
Cộng	-	241.076.495

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước cho người bán trong nước	37.206.708.850	422.077.868
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty CP Đầu tư và Sản xuất công nghiệp - Xi nghiệp kết cấu thép XD</i>	20.500.400.000	-
<i>Công ty CP Liên vận An Tín</i>	13.570.000.000	-
<i>Nhà cung cấp trong nước khác</i>	3.136.308.850	422.077.868
Trả trước cho người bán nước ngoài	-	660.890.166
Cộng	37.206.708.850	1.082.968.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tạm ứng	708.396.154	115.331.824
Phải thu lãi tiền gửi tại ngân hàng	841.924.443	-
Thuế GTGT đề nghị hoàn (*)	9.250.959.253	-
Phải thu khác	-	6.309.792
Cộng	<u>10.801.279.850</u>	<u>121.641.616</u>

(*) Tại ngày 21 tháng 12 năm 2016, Công ty gửi công văn đề nghị Cục thuế tỉnh Yên Bái thanh tra và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào với số tiền là 9.250.959.253 đồng.

5.5 Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Thái Dương	(231.579.115)	(162.105.381)
Cộng	<u>(231.579.115)</u>	<u>(162.105.381)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.759.812.518	-	22.712.720.220	-
Công cụ, dụng cụ	1.023.688.787	-	1.048.649.788	-
Thành phẩm	4.985.772.444	-	4.893.401.671	-
Cộng	32.769.273.749	-	28.654.771.679	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	38.051.941.779	88.465.195.796	3.828.783.486	1.296.837.637	1.902.000.000	133.544.758.698
Mua trong năm	-	40.960.761.000	872.727.272	44.500.000	-	41.877.988.272
Đầu tư XD/CB hoàn thành	191.447.090	-	-	-	-	191.447.090
Thanh lý, nhượng bán	-	(49.909.415.216)	-	-	-	(49.909.415.216)
Tại ngày 31/12/2016	38.243.388.869	79.516.541.580	4.701.510.758	1.341.337.637	1.902.000.000	125.704.778.844
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	6.968.920.275	20.226.048.440	1.508.157.429	67.756.947,00	316.121.880	29.087.004.971
Khấu hao trong năm	1.647.260.786	9.527.765.622	605.785.950	165.306.558	63.224.376	12.009.343.292
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.189.741.150)	-	-	-	(18.189.741.150)
Tại ngày 31/12/2016	8.616.181.061	11.564.072.912	2.113.943.379	233.063.505	379.346.256	22.906.607.113
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	31.083.021.504	68.239.147.356	2.320.626.057	1.229.080.690	1.585.878.120	104.457.753.727
Tại ngày 31/12/2016	29.627.207.808	67.952.468.668	2.587.567.379	1.108.274.132	1.522.653.744	102.798.171.731

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 102.798.171.731 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 104.457.753.727 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 187.848.711 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 93.906.364 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	15.926.986.836	15.926.986.836
Tại ngày 31/12/2016	15.926.986.836	15.926.986.836
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	1.378.451.309	1.378.451.309
Khấu hao trong năm	331.905.756	331.905.756
Tại ngày 31/12/2016	1.710.357.065	1.710.357.065
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	14.548.535.527	14.548.535.527
Tại ngày 31/12/2016	14.216.629.771	14.216.629.771

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCo3	6.645.000.000	130.000.000
Cộng	6.645.000.000	130.000.000

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư số 7585338884 thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 09 năm 2016 thì giai đoạn từ tháng 09 năm 2016 đến hết năm 2017, Công ty triển khai xây dựng giai đoạn 3 của nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCo3 với công suất 372.000 tấn sản phẩm/năm.

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí mua bảo hiểm	-	24.000.000
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.656.794	-
Cộng	8.656.794	24.000.000
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	79.967.971	47.271.870
Chi phí trả trước dài hạn khác	166.212.118	54.015.152
Cộng	246.180.089	101.287.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
5.11 Phải trả người bán ngắn hạn				
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		-		918.144.360
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	8.389.248.322	8.389.248.322		3.329.743.585
Phải trả nhà cung cấp trong nước	8.389.248.322	8.389.248.322	4.247.887.945	4.247.887.945
Cộng				133.285.004
b) Phải trả người bán là các bên liên quan		5.315.168.082		133.285.004
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	5.315.168.082	5.315.168.082	133.285.004	133.285.004
Cộng				133.285.004
5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		588.001.412		430.263.397
Người mua trả tiền trước nước ngoài	1.272.201.550	1.272.201.550	10.013.592.780	10.013.592.780
Người mua trả tiền trước trong nước	1.860.202.962	1.860.202.962	10.443.856.177	10.443.856.177
Cộng				10.013.592.780
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		1.271.234.550		10.013.592.780
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.271.234.550	1.271.234.550	10.013.592.780	10.013.592.780
Cộng				10.013.592.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế xuất nhập khẩu	-	76.215.617	76.215.617	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.182.593	2.913.203.215	2.667.304.421	465.081.387
Thuế thu nhập cá nhân	3.124.673	28.956.292	24.875.400	7.205.565
Cộng	222.307.266	3.018.375.124	2.768.395.438	472.286.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay trái phiếu	2.080.000.000	-
Cộng	2.080.000.000	-

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn;	68.503.620	61.709.040
- Bảo hiểm xã hội;	7.019.798	4.675.144
- Bảo hiểm y tế;	2.566.177	1.621.202
- Bảo hiểm thất nghiệp;	554.233	272.055
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	382.413.472	585.474.367
Cộng	461.057.300	653.751.808

2 / T H AN T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	81.457.206.927	81.457.206.927	198.092.054.119	74.639.291.857
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	56.730.579.472	56.730.579.472	117.017.429.098	903.901.875
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	24.726.627.455	24.726.627.455	81.074.625.021	73.735.389.982
Cộng	81.457.206.927	81.457.206.927	198.092.054.119	74.639.291.857

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/31975334/HĐTD ngày 04 tháng 05 năm 2016 với tổng hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, nhận nợ bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 30 tháng 4 năm 2017, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo lãnh mở L/C. Lãi suất và các loại phí phát sinh được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng hàng tồn kho, tài sản cố định và các hình thức bảo lãnh từ các bên thứ ba khác.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 83/2016-HĐTDHM/KCNHD5 ngày 15 tháng 04 năm 2016; hạn mức tín dụng 60 tỷ đồng, nhận nợ bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô La Mỹ. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 15 tháng 4 năm 2017, thời hạn vay vốn tối đa là 5 tháng đối với mỗi khế ước nhận nợ. Lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.17 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay dài hạn	155.002.650.000	155.002.650.000	145.052.000.000	5.049.350.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	26.237.650.000	26.237.650.000	14.987.000.000	3.749.350.000
Chi nhánh Hải Dương (i)	128.765.000.000	128.765.000.000	130.065.000.000	1.300.000.000
Trái phiếu phát hành (ii)				
Cộng	155.002.650.000	155.002.650.000	145.052.000.000	5.049.350.000
				15.000.000.000
				15.000.000.000

(i) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng tin dụng sau:

Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung hạn số 297/2015/HĐTDDA/KCNHD5 ngày 27 tháng 11 năm 2015, giá trị vay tối đa là 15 tỷ đồng, thời hạn vay 05 năm. Mục đích sử dụng là để bù đắp chi phí dự án đầu tư 1 máy tạo hạt Taical 2 nòng trực vít, model TKH-175JP. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTĐC/KCNHD5 ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

Hợp đồng tín dụng số 218/2016/HSTDDA/KCNDS ngày 19 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 14.987.000.000 đồng. Khoản vay để nhập khẩu máy tạo hạt Taical 2 nòng trực vít model TKH-175JP. Thời hạn vay vốn trong 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTĐC/KCNHD5 ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(ii) Phát hành trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETINBANK.KCNHD - ANPHA TYENBAI ngày 20/10/2016 với số lượng là 130 trái phiếu mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Ngân hàng mua trái phiếu với giá mua bằng 100% mệnh giá trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm với lãi suất cố định trong năm đầu tiên là 8%/năm. Các kỳ tính lãi sau áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh một lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất trái phiếu đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày phát hành. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc ngày mua lại trái phiếu trước hạn.

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	86.000.000.000	3.129.853.084	1.564.926.542	35.591.711.561	126.286.491.187					
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	6.466.674.634	6.466.674.634					
Phân phối lợi nhuận	-	934.737.804	-	(1.402.106.706)	(467.368.902)					
Chia cổ tức	-	-	-	(25.800.000.000)	(25.800.000.000)					
Số dư tại ngày 31/12/2015	86.000.000.000	4.064.590.888	1.564.926.542	14.856.279.489	106.485.796.919					
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	11.561.993.862	11.561.993.862					
Phân phối lợi nhuận	-	323.333.731	-	(646.667.462)	(323.333.731)					
Số dư tại ngày 31/12/2016	86.000.000.000	4.387.924.619	1.564.926.542	25.771.605.889	117.724.457.050					

Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2504/2016/NQ - ĐHD ngày 25 tháng 03 năm 2016, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 5%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và sử dụng để bổ sung vốn lưu động 90% trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	79.000.000.000	79.000.000.000
Lê Mạnh Hùng	200.000.000	200.000.000
Nguyễn Lê Trung	400.000.000	400.000.000
Phạm Hoàng Việt	400.000.000	400.000.000
Cổ đông khác	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	86.000.000.000	86.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.837.344.308	188.422.227.793
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	171.462.587.247	137.529.021.956
- Doanh thu bán hàng hóa	22.374.757.061	50.893.205.837
Các khoản giảm trừ doanh thu	119.790.440	83.579.250
- Giảm giá hàng bán	119.790.440	25.421.207
- Hàng bán bị trả lại	-	58.158.043
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.717.553.868	188.338.648.543

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán thành phẩm	128.301.031.486	115.077.216.902
Giá vốn bán hàng hóa	21.202.425.194	46.246.267.199
Cộng	149.503.456.680	161.323.484.101

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.863.974.468	27.047.329
Lãi chênh lệch tỷ giá	409.797.569	1.038.528.726
Cộng	2.273.772.037	1.065.576.055

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	3.409.993.795	1.202.592.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.119.294.425	1.526.460.251
Cộng	4.529.288.220	2.729.053.205

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,

Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)****6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.052.438	66.422.864
Chi phí nhân công	2.159.908.731	1.319.160.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.603.527.696	1.595.737.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	823.269.773	1.052.631.071
Chi phí khác bằng tiền	1.149.443.564	771.572.088
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	69.473.734	-
Cộng	5.949.675.936	4.805.523.553
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.342.820.007	631.669.827
Chi phí nhân công	509.563.079	512.610.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	471.620.940	124.970.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.401.305.486	9.891.151.617
Chi phí khác bằng tiền	981.823.399	1.144.641.397
Cộng	14.707.132.911	12.305.044.497

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản thu nhập khác	24.216.653	108.935.563
Cộng	24.216.653	108.935.563

6.7. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	6.844.614.066	-
Các khoản chi phí khác	6.177.668	254.137
Cộng	6.850.791.734	254.137

STC
 RÁC
 KII
 UY
 WA

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,

Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)****6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	14.475.197.077	8.349.800.668
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	90.819.000	209.863.125
Cộng: Chi phí không được trừ	90.819.000	209.863.125
Tổng thu nhập chịu thuế	14.566.016.077	8.559.663.793
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.913.203.215	1.883.126.034

6.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.561.993.862	6.466.674.634
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty	578.099.693	323.333.732
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.983.894.169	6.143.340.902
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	1.277	714
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.916.929.224	100.476.615.214
Chi phí nhân công	7.373.806.190	3.713.285.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.341.249.048	11.533.646.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.274.558.738	30.317.184.823
Chi phí khác bằng tiền	1.051.297.133	1.916.213.485
Cộng	148.957.840.333	147.956.945.048

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,

Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 và 5.17 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	236.459.856.927	89.639.291.857
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>135.245.944.019</i>	<i>52.809.797.450</i>
Nợ thuần	101.213.912.908	36.829.494.407
Vốn chủ sở hữu	117.724.457.050	106.485.796.919
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	85,98%	34,59%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.245.944.019	52.809.797.450
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.435.698.337	7.712.041.732
Cộng	167.681.642.356	60.521.839.182
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	236.459.856.927	89.639.291.857
Phải trả người bán và phải trả khác	8.850.305.622	4.901.639.753
Chi phí phải trả	2.080.000.000	-
Cộng	247.390.162.549	94.540.931.610

HỒ SƠ TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ (USD)	948.714,06	541.719,35
- Tiền và các khoản tương đương tiền	198.104,38	198.103,70
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	750.609,68	315.003,00
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	28.612,65
Euro (EUR)	289,25	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	289,25	-
	Công nợ	
	31/12/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ (USD)	3.009.787,36	1.875.689,86
- Các khoản vay	2.983.297,36	1.815.621,80
- Phải trả người bán và phải trả khác	-	40.734,00
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	26.490,00	19.334,06

31 / 12 / 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY AN PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.245.944.019	-	135.245.944.019
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.435.698.337	-	32.435.698.337
Cộng	167.681.642.356	-	167.681.642.356
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.850.305.622	-	8.850.305.622
Các khoản vay	81.457.206.927	155.002.650.000	236.459.856.927
Chi phí phải trả	2.080.000.000	-	2.080.000.000
Cộng	92.387.512.549	155.002.650.000	247.390.162.549
Chênh lệch thanh khoản thuần	75.294.129.807	(155.002.650.000)	(79.708.520.193)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.809.797.450	-	52.809.797.450
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.712.041.732	-	7.712.041.732
Cộng	60.521.839.182	-	60.521.839.182
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.901.639.753	-	4.901.639.753
Các khoản vay	74.639.291.857	15.000.000.000	89.639.291.857
Cộng	79.540.931.610	15.000.000.000	94.540.931.610
Chênh lệch thanh khoản thuần	(19.019.092.428)	(15.000.000.000)	(34.019.092.428)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI

Khu Công nghiệp Phía Nam - Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*****Danh sách các bên liên quan***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Công ty mẹ

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lương và phụ cấp của Ban Giám đốc	495.936.386	408.491.040
Cộng	495.936.386	408.491.040

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	46.166.289.028	47.811.623.187
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	46.166.289.028	47.811.623.187
Mua hàng hóa, dịch vụ	56.929.317.001	47.939.656.376
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	56.929.317.001	47.939.656.376

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	5.315.168.082	133.285.004
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.271.234.550	10.013.592.780

7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.



Vũ Thanh Bình
Giám đốc

Yên Bái, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Nhân
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập